

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **13/2018/DS-ST**

Ngày: 11/01/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên;**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Quốc Thuần**

+ Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Nguyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2017/TLST-DS ngày 01/09/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2017/QĐXX- ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 483/2017/QĐ-HPT ngày 20/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Văn T** – sinh năm: 1963(có mặt)

Trú tại: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Phan Thị Đỗ Q** – sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Minh T – sinh ngày: 14/01/2001

Nguyễn Như Q – sinh ngày 30/5/2007

Đại diện theo pháp luật của Minh T và Như Q: **Phan Thị Đỗ Q** – sinh năm: 1980.

Cùng trú tại: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: ngày 11/4/2017 anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị Đỗ Q có vay của anh số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay tiền là anh T chị Q dùng để mua bảo hiểm xe tải, đóng tiền giấy phép lưu hành xe, khi vay hai bên có làm biên nhận, chị Q viết và cùng anh T ký tên vào biên nhận. Khi vay tiền anh T chị Q hứa trong vòng 01 tháng sẽ trả tiền cho anh.

Đến ngày 21/4/2017 do thiếu tiền mua bảo hiểm xe nên anh T chị Q có vay thêm 30.000.000 đồng, chị Q viết và ký tên vào hai biên nhận, 01 biên nhận vay 5.000.000 đồng và 01 biên nhận vay 25.000.000 đồng. Chị Q hứa 01 tháng sẽ trả tiền cho anh.

Hai lần vay trên hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Tổng cộng hai lần vay anh T chị Q còn nợ anh số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 21/4/2017 anh T chết. Nay anh yêu cầu chị Q trả cho anh số tiền 70.000.000 đồng và tính lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 21/5/2017 đến khi xét xử. Trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Phan Thị Đỗ Q vắng mặt không lý do.

* **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu chị Phan Thị Đỗ Q trả số tiền 70.000.000 đồng, không tính lãi. Trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn chị Phan Thị Đỗ Q vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: anh T yêu cầu chị Q trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận, đối với yêu cầu tính lãi anh T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị Đỗ Q trả số tiền 70.000.000 đồng theo ba biên nhận mượn tiền. Biên nhận là mượn nhưng anh T xác nhận là cho chị Q vay có tính lãi suất. Quá trình thực hiện giao dịch xảy ra tranh chấp nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Chị Phan Thị Đỗ Q cư trú trên địa bàn huyện C nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn chị Phan Thị Đỗ Q mặc dù được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T khởi kiện yêu cầu chị Q trả số tiền 70.000.000 đồng trên cơ sở các biên nhận được lập vào ngày 11/1/2017 và ngày 21/4/2017. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là anh T đã cung cấp cho Tòa án 03 biên nhận mượn tiền trong đó 01 biên nhận ngày 11/1/2017 mượn 40.000.000 đồng có chữ ký của anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị Đỗ Q, 02 biên nhận ngày 21/4/2017 có chữ ký của chị Q mượn 25.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Mặc dù hai biên nhận ngày 21/4/2017 chỉ có chị Q ký tên vay tiền của anh T nhưng mục đích vay tiền là anh T chị Q dùng để chi tiêu, đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình được quy định tại điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó, có căn cứ xác định anh T và chị Q có vay của anh T số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 23/4/2017 anh T chết, theo Biên bản xác minh tại công an xã L thì hàng thừa kế thứ nhất của anh T gồm: Ông Nguyễn Văn M (cha) – sinh năm 1931, chết năm 2009, Bà Nguyễn Thị S (mẹ) – sinh năm: 1933, chết năm 1981, chị Phan Thị Đỗ Q (vợ) – sinh năm 1980, Nguyễn Minh T (con) – sinh ngày 14/1/2001 và Nguyễn Như Q (con) – sinh ngày 30/5/2007. Như vậy cha mẹ của anh T đã chết, hiện nay hàng thừa kế thứ nhất của anh T gồm vợ là chị Phan Thị Đỗ Q cùng hai con Nguyễn Minh T – sinh ngày 14/1/2001 và Nguyễn Như Q – sinh ngày 30/5/2007, hiện nay hai cháu Minh T và Như Q chưa đủ 18 tuổi nên xác định người đại diện theo pháp luật của T và Q là chị Phan Thị Đỗ Q (mẹ).

Cho đến nay, anh T cho rằng chị Q chưa trả tiền cho anh, chị Q vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và cũng không chứng minh số nợ mà anh T khởi kiện đã được chị trả hay chưa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ chấp nhận, cần buộc chị Q có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 70.000.000 đồng.

[5] Về tiền lãi: anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về thời gian trả: Khi vay tiền chị Q hứa trong vòng 01 tháng kể từ ngày vay sẽ trả tiền cho anh T nhưng không trả. Anh T yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền chị Q để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T nên cần buộc chị Q trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị Phan Thị Đỗ Q có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền **70.000.000** đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày **anh T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu **chị Q** không chịu trả số tiền trên cho anh T thì hàng tháng **chị Q** còn phải trả **anh T** số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí: + Chị Phan Thị Đỗ Q phải nộp 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng theo biên lai số 35621 và 35622 ngày 01/09/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận hoặc tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Cẩm Tiên

